

Tuyên Quang, ngày 03 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 82/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

* Nguyên đơn Ông Phạm Ngọc Kh, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 09, phường Nông T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Là nguyên đơn

* Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1958

Bà Phạm Thị N, sinh năm 1959

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ 07, phường Nông T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Là bị đơn;

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 09, phường Nông T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Ông Nguyễn Hồng Q và bà Phạm Thị N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ông Phạm Ngọc Kh và bà Phạm Thị H số tiền 24.800.000đ (hai mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó Ông Nguyễn

Hồng Q phải trả là 12.400.000đ (mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng), bà Phạm Thị N phải trả 12.400.000đ (mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch của vụ án là 620.000đ (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

- Ông Phạm Ngọc Kh phải chịu 310.000đ (ba trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Khánh đã nộp là 2.442.800đ (Hai triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm đồng), anh Khánh được trả lại số tiền chênh lệch là 2.132.800đ (Hai triệu một trăm ba mươi hai nghìn tám trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000484 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q;

- Ông Nguyễn Hồng Q và bà Phạm Thị N phải chịu 310.000đ (Ba trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trong đó Ông Nguyễn Hồng Q phải chịu 155.000đ (một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), bà Phạm Thị N phải chịu 155.000đ (Một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan

